TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 19-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngô Phúc Nguyên.

Bà Kim Thị Minh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Kim Hoa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Võ Thị U, tên gọi khác: U C, sinh năm 1955, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn, trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị V (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn C và 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 04/LCĐKNCT ngày 17/12/2017. (bị cáo có mặt).

2. Đỗ Hữu Hùng P, tên gọi khác: Không có; sinh năm: 1989, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu Hùng O và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Trần Thị Thảo M và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ

ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 05/LCĐKNCT ngày 17/12/2017 (bị cáo có mặt).

3. Phạm Thúy Y, tên gọi khác: Không có; sinh năm: 1989, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp B, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bàVõ Thị H; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 30/CĐKNCT ngày 12/3/2018. (Bị cáo có mặt).

4. Dương Văn T, tên gọi khác: Không có, sinh năm: 1975, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn I và bà Nguyễn Thị G; có vợ là Lê Thị B và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 14/12/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/LCĐKNCT ngày 17/12/2017.(Bị cáo có mặt).

5. Đỗ Thị M, tên gọi khác: Không có, sinh năm: 1964, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị R (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Đ và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 07/LCĐKNCT ngày 17/12/2017. (Bị cáo có mặt).

6. Trần Thị L, tên gọi khác: không có, sinh năm: 1986, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị G; có chồng là Nguyễn Văn H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 17/12/2017 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 08/LCĐKNCT ngày 17/12/2017. (Bị cáo có mặt).

7. Nguyễn Thị O, tên gọi khác: không có, sinh năm: 1963, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Đào Thị Đ (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn U và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 40/LCĐKNCT ngày 03/4/2018. (Bị cáo có mặt).

8. Nguyễn Thị X, tên gọi khác: Bà H; sinh năm: 1945, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp B, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị R (đã chết); có chồng là Trần Văn F và 07 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 31/LCĐKNCT ngày 12/3/2018. (Bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Y là ông Phạm Văn B, sinh năm: 1967(cha của bị cáo Y); nơi cư trú: Ấp B, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thúy Y là Luật sư Nguyễn Thị Kim Đào, Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 11 tháng 12 năm 2017, Võ Thị U đến nhà Đỗ Hữu Hùng P mượn địa điểm và P sẽ thu tiền xâu để U làm cái đánh bài bửu bốn lá được, thua bằng tiền với Dương Văn T, Đỗ Thị M, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị X, Phạm Thúy Y và Trần Thị L:

- Hành vi của từng bị cáo thể hiện cụ thể như sau:

+ Đối với Võ Thị U: Khi đánh bạc,U đem theo số tiền 5.950.000 đồng nhưng chỉ sử dụng số tiền 2.450.000 đồng làm vốn đánh bạc. Khi làm cái đánh bạc, U chia làm 09 tụ bài, những người đặt tiền gồm có: Phạm Thúy Y đặt 02 tụ mỗi tụ 200.000 đồng, Dương Văn T đặt 01 tụ với số tiền 50.000 nghìn đồng, Đỗ Thị M đặt 01 tụ với số tiền 50.000 đồng, Trần Thị L đặt 01 tụ số tiền 50.000 đồng, Nguyễn Thị X có tham gia đặt tụ nhưng không xác định đặt số tiền bao nhiêu và 02 người phụ nữ lạ không rõ tên tuổi, địa chỉ đặt 02 tụ bài không xác định được số tiền. Mỗi tụ bài, U cho đặt thấp nhất với số tiền 50.000 đồng, đặt cao nhất số tiền 300.000 đồng và đã trả tiền xâu bài cho P 02 lần mỗi lần 50.000 đồng, tổng cộng 100.000 đồng. Sau đó Công an Huyện D kiểm tra bắt giữ, U thắng được số tiền khoảng 1.000.000 đồng để lại chiếu bạc và số tiền 3.500.000 đồng dùng để đóng hụi khi bỏ chạy để lại chiếu bạc.

+ Đối với Dương Văn T: Vào ngày 11/12/2017,T đem theo số tiền 28.136.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền là 2.136.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Khi đánh bạc, T đặt bốn ván mỗi ván 50.000 đồng, đá ngang với

Phạm Thúy Y 02 ván mỗi ván 100.000 đồng. Khi đang đặt tụ ván thứ tư số tiền 50.000 đồng và đá ngang với bị can Phạm Thúy Y với số tiền 100.000 đồng thì Công an Huyện D kiểm tra bắt quả tang, T vẫn còn cầm số tiền đặt tụ là 50.000 đồng. Kết quả T thua bạc số tiền là 50.000 đồng.

+ Đối với Đỗ Thị M: Ngày 11/12/2017, khi đi đánh bạc M đem theo số tiền 5.805.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền là 800.000 đồng vào mục đích đánh bạc. M tham gia đặt 04 ván, mỗi ván đặt 50.000 đồng. Trong quá trình đặt tụ có người phụ nữ bán vé số đặt ké 02 lần mỗi lần 50.000 đồng vào tụ của M, ván thứ tư M đặt số tiền là 100.000 đồng chưa có kết quả thắng thua thua bị Công an kiểm tra bắt quả tang, M để lại số tiền 50.000 đồng đặt trên tụ bài.

+ Đối với Đỗ Hữu Hùng P: Ngày 11/12/2017, Võ Thị U đến nhà P mượn địa điểm để đánh bài binh bửu ăn tiền, nên P có lấy bộ bài Tây ra đưa cho U và quy định khi thắng thì phải trả tiền xâu bài 50.000 đồng. Sau đó, U làm cái cho những người tham gia đánh bài ăn tiền gồm có: Dương Văn T, Trần Thị L, Đỗ Thị M, Phạm Thúy Y, Nguyễn Thị X. Quá trình đánh bạc, U làm cái, đã đưa tiền xâu bài cho P trực tiếp nhận 02 lần mỗi lần 50.000 đồng, tổng số tiền là 100.000 đồng, sau đó Công an Huyện D kiểm tra bắt quả tang.

+ Đối với Trần Thị L: Ngày 11/12/2017, khi đi đánh bạc L đem theo số tiền 3.600.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền 500.000 đồng vào mục đích đánh bạc. L tham gia đặt tụ 07 ván bài, mỗi ván đặt số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, đến ván thứ 7 đặt số tiền 50.000 đồng chưa thắng thua thì Công an kiểm tra bắt quả tang. Khi Công an bắt quả tang, L thua bạc số tiền 450.000 đồng.

+ Đối với Phạm Thúy Y: Ngày 11/12/2017, khi đi đánh bạc Y đem theo số tiền 4.290.000 đồng, sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc có đá riêng với bị cáo Dương Văn T mỗi ván bài 100.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút thì bị Công an Huyện D kiểm tra bắt quả tang. Kết quả Y thua bạc số tiền là 700.000 đồng.

+ Đối với Nguyễn Thị X: Ngày 11/12/2017, khi đi đánh bạc X đem theo số tiền 120.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. X tham gia đặt ké tụ bài của người thanh niên lạ không rõ tên và địa chỉ 02 lần, mỗi lần 20.000 đồng, lần 02 đang đặt số tiền 20.000 đồng thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang. Khi Công an bắt quả tang, X thua bạc số tiền 20.000 đồng.

+ Đối với Nguyễn Thị O: Ngày 11 tháng 12 năm 2017, khi đi đánh bạc O đem theo số tiền 200.000 đồng, sử dụng vào mục đích đánh bạc. O tham gia đặt

ké tụ bài của Phạm Thúy Y 02 lần với số tiền là 100.000 đồng mỗi lần đặt ké và thua hết số tiền 200.000 đồng thì nghỉ chơi đi về nhà.

Quá trình điều tra, Võ Thị U, Đỗ Hữu Hùng P, Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Phạm Thúy Y, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tang vật thu giữ tại nơi đánh bạc khi bắt quả tang gồm:

+ Tiền Việt Nam 7.930.000 đồng.

+ 40 lá bài tây đã qua sử dụng.

+ 07 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

- Đồ vật tạm giữ của các bị can và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Tạm giữ của Dương Văn T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5; tiền Việt Nam 28.086.000 đồng.

+ Tạm giữ của Đỗ Hữu Hùng P: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng; tiền Việt Nam 401.000 đồng.

+ Tạm giữ của Đỗ Thị M: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; tiền Việt Nam 5.905.000 đồng.

+ Tạm giữ của Nguyễn Thị X: Tiền Việt Nam 100.000 đồng.

+ Tạm giữ của Võ Thị U: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng; tiền Việt Nam 2.450.000 đồng.

+ Tạm giữ của Phạm Thúy Y: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; tiền Việt Nam 3.590.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thu giữ và đã trả lại co ông Đỗ Hữu Hùng Phong: 01điện thoại di động, hiệu NOKIA, màu xanh và trả lại cho Nguyễn Thị Huỳnh Nga 01 điện thoại di động, hiệu Mobell, màu đen, tiền Việt Nam 35.000 đồng.

Kết luận giám định số 95/KL-VPYTW, ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự Phạm Thúy Y bị bệnh Chậm phát triển tâm thần nhẹ/ Động kinh có biến đổi nhân cách (F70/G40-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án và hiện nay: Phạm Thúy Y bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Các bị cáo Đỗ Hữu Hùng P, Phạm Thúy Y, Nguyễn Thị X, Trần Thị L, Đỗ Thị M, Nguyễn Thị O không có tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D không tiến hành kê biên.

Các bị cáo Dương Văn T, Võ Thị U có tài sản riêng, nhưng đã thế chấp tại ngân hàng nên không tiến hành kê biên.

Đối với Lê Thị V có hành vi tham gia đánh bạc nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D ra thông báo truy tìm, khi nào mời làm việc được sẽ điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Huỳnh N là người tham gia đánh bạc vào những ngày trước ngày bị bắt quả tang, nhưng chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an Huyện D, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền là 1.500.000 đồng.

Đối với ông Đỗ Hữu Hùng J không biết con ông là Đỗ Hữu Hùng P để lấy tiền xâu từ việc cho mượn địa điểm tại nhà ông Phong để người khác bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D không đề nghị xử lý.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-DMC ngày 08-5-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Võ Thị U, Đỗ Hữu Hùng P, Phạm Thúy Y, Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Nguyễn Thị O và Nguyễn Thị X phạm tội "Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Võ Thị U từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng Khoản 3 Điều 248, Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt bổ sung bị cáo U 5.000.000 đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu Hùng P, Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Nguyễn Thị O từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 36; Điểm i, q, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Thúy Y từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 36 Điểm i, o, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: theo quy định pháp luật.

Các bị cáo lời nói sau cùng bị cáo hối hận việc đã làm, do ham vui đã vi phạm pháp luật, xin hứa chấp hành tốt pháp luật không dám vi phạm, nên xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Vào khoảng 9 giờ 30 phút ngày 11 tháng 12 năm 2017, bị cáo Đỗ Hữu Hùng P mượn nhà, cung cấp bài tây cho bị cáo Võ Thị U cùng các bị cáo Dương Văn T, Đỗ Thị M, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị X, Phạm Thúy Y và Trần Thị L đánh bài bửu bốn lá được, thua bằng tiền. Bị cáo U làm cái và trả tiền xâu bài, thuê địa điểm đánh bạc cho Đỗ Hữu Hùng P 02 lần với tổng số tiền 100.000 đồng, khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an Huyện D kiểm tra bắt quả tang. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Võ Thị U, Đỗ Hữu Hùng P, Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Phạm Thúy Y, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị O phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, cụ thể: Võ Thị U sử dụng số tiền 2.450.000 đồng; Dương Văn T sử dụng số tiền là 2.136.000 đồng; Đỗ Thị

M sử dụng số tiền là 800.000 đồng; Trần Thị L sử dụng số tiền 500.000 đồng; Phạm Thúy Y sử dụng số tiền 4.290.000 đồng; Nguyễn Thị X sử dụng số tiền 120.000 đồng; Nguyễn Thị O sử dụng số tiền 200.000 đồng, tổng là 10.496.000 đồng, dưới 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân Huyện D truy tố các bị cáo theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an ninh xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đánh bài dưới hình thức thắng thua bằng tiền là hình thức đánh bạc trái phép bị Nhà nước nghiêm cấm, các bị cáo nhận thức điều này nhưng do ham lợi nên đã đi vào con đường phạm tội. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng chống tội phạm.

[5] Xét tính chức, mức độ hành vi của từng bị cáo thấy rằng:

5.1 Bị cáo Võ Thị U đóng vai trò chủ mưu là người thuê địa điểm, trả tiền xâu cho bị cáo P, làm cái rủ rê các bị cáo khác đánh bạc ăn thua bằng tiền, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội với vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị X, Phạm Thúy Y biết việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo U. Bị cáo Đỗ Hữu Hùng P không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo thuê nhà để chơi đánh bạc và nhận tiền xâu 2 lần số tiền 100.000 đồng từ bị cáo U nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của bị cáo với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc.

5.2 Đối với Lê Thị V có hành vi tham gia đánh bạc nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D ra thông báo truy tìm, khi nào mời làm việc được sẽ điều tra xử lý sau. Đối với Nguyễn Thị Huỳnh N là người tham gia đánh bạc vào những ngày trước ngày bị bắt quả tang, nhưng chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an Huyện D, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền là 1.500.000 đồng. Đối với ông Đỗ Hữu Hùng J không biết con ông là Đỗ Hữu Hùng P để lấy tiền xâu từ việc cho mượn địa điểm tại nhà ông Phong để người khác đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D không đề nghị xử lý.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo với bị cáo Võ Thị U, bị cáo P, L, T, M, phạt bổ sung bị cáo U số tiền 5.000.000 đồng. Phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo X, bị cáo Y. Thấy mức hình phạt do Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị là phù hợp.

[7] Trong quyết định hình phạt có xem xét: các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, hối cải về hành vi phạm tội của mình được quy định tại Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo U, M còn mặc bệnh tiểu đường, tim mạch. Bị cáo Phạm Thúy Y thì tại thời điểm gây án và hiện nay bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi có kết luận giám định của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa nên khi quyết định hình phạt cần xem xét tình tiết giảm nhẹ người phạm tội là người bị hạn chế năng lực hành vi theo quy định tại Điểm q Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thị X bệnh tim mạch và sinh năm 1945, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên theo theo quy định tại Điểm o Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết tăng nặng theo Điều 52 Bộ luật Hình sự: không có.

[8] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Không có

[10] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, những vật chứng là tiền, điện thoại dùng vào việc phạm tội của các bị cáo và những người tham gia đánh bạc khác cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Những vật chứng không liên quan đến vụ án thì tuyên trả cho bị cáo. Số tiền thu trên chiếu bạc và công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

10.1 Tịch thu tiêu hủy: 40 lá bài tây đã qua sử dụng và 07 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

10.2 Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu trên chiếu bạc, các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cụ thể:

Bị cáo Dương Văn T: số tiền 28.086.000 đồng bị cáo chỉ sử dụng 2.136.000 đồng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ, số tiền còn lại 26.000.000 đồng bị cáo thu từ tiền hụi của ông 6 Tợn, tại biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2017 (bút lục số 404, 405) của ông Trần Văn Tợn xác nhận "….ông có tham gia 03 phần hụi của Dương Văn T, đã hốt hụi nên mỗi tháng ông đóng hụi cho vợ chồng T là 30.000.000 đồng… ngày 11/12/2017 T có đến nhà ông thu tiền hụi, do không đủ tiền nên ông có đưa trước cho T số tiền 26.000.000 đồng…" lời khai của bị cáo phù hợp lời trình bày của người làm chứng là ông Tợn, nên có căn cứ số tiền 26.000.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo T. Điện thoại di động bị cáo không sử dụng vào việc liên lạc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo

Bị cáo Đỗ Thị M: Số tiền 5.905.000 đồng bị cáo khai mang theo chỉ sử dụng 800.000 đồng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại bị cáo sử dụng tiền để nộp tiền

hụi cho vợ chồng anh Lê Thanh Đ, lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của anh Lê Thanh Đ (bút lục 406, 407), nên có cơ sở chứng minh bị cáo mang theo tiền để nộp tiền hụi, cần trả lại cho bị cáo M 5.105.000 đồng, điện thoại di động bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Võ Thị U sử dụng 2.450.000 đồng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách; số tiền còn lại 3.500.000 đồng là khoản tiền bị cáo mang theo nộp tiền hụi cho bà Võ Thị H, lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị H (bút lục 402,403) có cơ sở cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để thi hành án, bị cáo không sử dụng điện thoại di động vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thúy Y mang theo 4.290.000 đồng, bị cáo sử dụng 800.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, bị cáo không chứng minh được mục đích có sử dụng số tiền trên, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền còn lại kể cả số tiền dùng đánh bạc, trả lại cho bị cáo điện thoại di động vì không liên quan đến vụ án.

Bị cáo Trần Thị L mang theo 3.600.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng vào việc đánh bạc, cần tịch thu tiền trên chiếu bạc và tiền đánh bạc là 3.600.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị X số tiền 100.000 đồng, của bị cáo Đỗ Hữu Hùng P là 401.000 đồng.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Võ Thị U, Đỗ Hữu Hùng P, Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Phạm Thúy Y, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị O phạm tội "Đánh bạc".

1.1 Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Thị U 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Khoản 3 Điều 248; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999: Phạt bổ sung bị cáo U 5.000.000 đồng (năm triệu). Thời hạn nộp tiền phạt là 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo không thi hành xong số tiền phải nộp, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu lãi theo mức lãi cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền chưa thi hành.

1.2 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Hữu Hùng P 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.4 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Thị M 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.5 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.6 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo U, P, T, M, O cho Ủy ban nhân dân xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã L, Huyện G, tỉnh Tây Ninh, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.7 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 36; Điểm i, o, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, trong thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập của bị cáo, thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

1.8 Áp dụng Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 36; Điểm i, q, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm

Thúy Y 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, trong thời gian chấp hành hình phạt, không khấu trừ thu nhập của bị cáo, thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị X, Phạm Thúy Y cho Ủy ban nhân dân xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, giám sát, giáo dục;

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

3.1 Tịch thu, tiêu hủy: 40 lá bài tây đã qua sử dụng và 07 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

3.2 Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc và thu lợi bất chính. Cụ thể: bị cáo Dương Văn T 2.136.000 đồng, bị cáo Đỗ Hữu Hùng P 401.000 đồng; bị cáo Đỗ Thị M 800.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị X 100.000 đồng; bị cáo Võ Thị U 2.450.000 đồng; bị cáo Phạm Thúy Y 4.290.000 đồng, bị cáo Trần Thị L 3.600.000.

3.3 Trả cho bị cáo Dương Văn T tiền Việt Nam 26.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphol 5, bị cáo M 5.105.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, bị cáo Y một điện thoại Nokia màu đen; bị cáo U 3.500.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Iphol 5 màu trắng, nhưng tạm giữ số tiền của bị cáo U để đảm bảo thi hành án.

Tiền và các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh đang quản lý.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Võ Thị U, Đỗ Hữu Hùng P, Dương Văn T, Đỗ Thị M, Trần Thị L, Phạm Thúy Y, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị O phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND Huyện D;
- VKSND Tỉnh Tây Ninh;
- CQĐT CA H D;
- Chi cục THA DS Huyện;
- Nhà tạm giữ CADMC;
- Thi hành án phạt tù;
- Bị cáo;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Nga

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:05/2018/TB-TA	*Huyện D, ngày 08 tháng 8 năm 2018.*

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2018/HSST ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân Huyện D có lỗi chính tả, số liệu do nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại dòng thứ 5 từ trên xuống trang số 11 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị X số tiền 100.000 đồng, của bị cáo Đỗ Hữu Hùng P là 401.000 đồng ….".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "Tịch thu nộp ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị X số tiền 100.000 đồng, của bị cáo Đỗ Hữu Hùng P là 401.000 đồng, *trả cho bị cáo P 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng…".*

2. Về nội dung tại dòng thứ 4 từ trên xuống trang số 13 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "Trả cho bị cáo Dương Văn T tiền Việt Nam 26.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphol 5, bị cáo M 5.105.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, bị cáo Y một điện thoại Nokia màu đen; bị cáo U 3.500.000 đồng….".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "Trả cho bị cáo Dương Văn T tiền Việt Nam *26.080.000 đồng* và 01 điện thoại di động hiệu *Iphone 5*, bị cáo M 5.105.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, bị cáo Y một điện thoại Nokia màu đen; *bị cáo P 01 điện thoại di động Nokia màu trắng*; bị cáo U 3.500.000 đồng….".

Nơi nhận: - VKSND Huyện D; - Chi cục THA DS Huyện; - Nhà tạm giữ CADMC; - Thi hành án phạt tù; - Bị cáo; Lưu hồ sơ vụ án.	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **(đã ký)** Nguyễn Thị Thúy Nga